IN THE _____ JUDICIAL CIRCUIT, _____, MISSOURI
TẠI TÒA LƯU ĐỘNG _____, _____, MISSOURI

Judge or Division: *Thẩm Phán hoặc Phân Ban:*	**Case Number:** ***Số Hồ Sơ:***
	Court ORI Number: *Số ORI Tòa Án:*
Petitioner: *Nguyên đơn:*	MSHP Number: *Số MSHP:*
	Responsible Law Enforcement ORI: *ORI Thực Thi Pháp Luật Hữu Trách:*
vs. *kiện*	Related Cases: *Các Vụ Kiện Liên Quan:*

(Date File Stamp)
(Ngày, Lưu, Con Dấu)

Respondent: *Bị đơn:* Alias/Nicknames: *Biệt danh:*	Respondent's Home Address: *Địa Chỉ Nhà của Bị Đơn:* Home Phone Number: *Số Điện Thoại Nhà:*
Respondent's DOB: *Ngày Sinh của Bị Đơn:* Age: *Tuổi:* SSN (last four digits): *SSN (nếu biết, bốn chữ số cuối):* Race: Sex: ☐ F ☐ M *Chủng tộc:* *Giới tính:* ☐ *Nữ* ☐ *Nam* Hair Color: Height: *Màu Tóc:* *Chiều cao:* Eye Color: Weight: *Màu Mắt:* *Cân nặng:* (Identifying Information for use by Law Enforcement) *(Thông Tin Nhận Dạng để Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật sử dụng)*	Respondent's Work Address: *Địa Chỉ Nơi Làm Việc của Bị Đơn:* Work Phone Number: *Số Điện Thoại Nơi Làm Việc:* Work Hours: *Giờ Làm Việc:*
	Other Locations Where Respondent May Be Served: *Những Địa Điểm Khác Có Thể Tống Đạt Cho Bị Đơn:*
Visible Identifying Marks (e.g. tattoos, birthmarks, braces, mustache, beard, pierced ear, glasses): *Dấu Vết Nhận Dạng Nhìn Thấy Được (ví dụ hình xăm, bớt, dụng cụ nẹp, ria, râu, xuyên tai, kính mắt):*	Petitioner's Relationship to Respondent pursuant to 18 U.S.C. §§ 921(a)(32) and 922(g)(8) determination: *Quan Hệ của Nguyên Đơn với Bị Đơn theo xác định 18 U.S.C. §§ 921(a)(32) và 922(g)(8):* ☐ Spouse ☐ Child(ren) in common ☐ *Vợ/chồng* ☐ *(Các) con chung* ☐ Former spouse ☐ Intimate residing/resided together ☐ *Vợ/chồng cũ* ☐ *Bạn sống chung* ☐ Are/were in a continuing social relationship of a romantic/intimate nature ☐ *Có/đã quan hệ xã hội tiếp diễn mang bản chất tình cảm/gần gũi* ☐ Related by blood. Define relationship: _____ ☐ *Có quan hệ huyết thống. Định nghĩa quan hệ:* _____ ☐ Related by marriage. Define relationship: _____ ☐ *Có quan hệ hôn nhân. Định nghĩa quan hệ:* _____ ☐ Residing/resided together; no intimacy ☐ *Sống/đã sống chung; không gần gũi* ☐ Stalking/Sexual Assault. Define relationship: _____ ☐ *Lén theo dõi/Tấn Công Tình Dục. Định nghĩa quan hệ:* _____

Affidavit of Foreign Order of Protection - Adult
Tuyên Thệ về Lệnh Bảo Vệ Ở Nước Ngoài – Người Lớn

I am filing my foreign order of protection as permitted by section 455.067, RSMo.
Tôi nộp đơn xin lệnh bảo vệ ở nước ngoài như được cho phép bởi mục 455.067, RSMo.

☐ A certified copy of the foreign order of protection is attached. The order is a true and accurate copy and has not been altered.
☐ *Đính kèm bản sao có chứng thực của lệnh bảo vệ ở nước ngoài. Lệnh này là bản sao y và chính xác và chưa bị thay đổi.*

Subsequent orders affecting foreign order of protection (if any): (Describe below; e.g. divorce order, extension of original protection order, etc.)
Các lệnh sau đó ảnh hưởng đến lệnh bảo vệ ở nước ngoài (nếu có): (Mô tả ở bên dưới; ví dụ lệnh cho phép ly hôn, gia hạn lệnh bảo vệ gốc, v.v.)

_____ _____
Date of Order
Ngày Ban Hành Lệnh

_____ _____
Date of Order
Ngày Ban Hành Lệnh

_____ _____
Date of Order
Ngày Ban Hành Lệnh

I swear/affirm under penalty of perjury that these facts are true according to my best knowledge and belief.
Tôi tuyên thệ/xác nhận, và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu khai man, rằng những thông tin này là đúng sự thực theo sự hiểu biết và niềm tin chính xác nhất của tôi.

_____
Date
Ngày

NOTICE: Section 455.030.3, RSMo, provides that a Petitioner seeking protection under the Domestic Violence Act is not required to reveal any current address or place of residence on this motion. **Do not provide this information if doing so will endanger you.**
LƯU Ý: *Mục 455.030.3, RSMo, quy định rằng Nguyên Đơn tìm kiếm sự bảo vệ theo Đạo Luật về Bạo Hành Gia Đình (Domestic Violence Act) không buộc phải tiết lộ địa chỉ hoặc nơi cư trú hiện tại trên đơn này.* ***Đừng cung cấp thông tin này nếu làm như thế sẽ gây nguy hiểm cho quý vị.***

_____
Petitioner's Signature
Chữ Ký của Nguyên Đơn

_____
Address (Optional)
Địa Chỉ (Không Bắt Buộc)

_____
City, State and Zip
Thành Phố, Tiểu Bang và Mã Zip

_____
Telephone
Điện thoại